

Số: 36/NQ-HĐND

Võ Nhai, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã Võ Nhai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VÕ NHAİ
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 612/SGDDT-KHTC ngày 09/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên về việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2026 - 2027;

Căn cứ Thông báo số 2037/TB-SGDDT ngày 24/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2026 - 2027 đối với các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 03/4/2026 của UBND xã Võ Nhai về kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 90-KH/ĐU ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Đề án số 16-ĐA/TU, ngày 10/12/2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, năm 2026;

Căn cứ quy mô trường, lớp, học sinh và Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2026 - 2027 của các trường trên địa bàn xã và số liệu quy mô dân số theo điều tra phổ cập giáo dục năm 2025 của xã Võ Nhai.

Xét Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 10/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Võ Nhai về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2026 - 2027; Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã Võ Nhai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã Võ Nhai với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển giáo dục xã Võ Nhai theo hướng hiện đại, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, góp phần phát triển toàn diện con người Thái Nguyên, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các tiến bộ mới nhất của khoa học và công nghệ.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, gắn với chuyển đổi số và nhu cầu thị trường lao động; ưu tiên phát triển nhân lực kỹ thuật cho các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số và ngành, nghề mới; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, bản sắc, văn hóa, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Phát triển hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế. Đến năm 2030, giáo dục xã Võ Nhai đạt trình độ tiên tiến theo mục tiêu chung của tỉnh Thái Nguyên và của quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Giáo dục mầm non

Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 45% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 97,5% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo (từ 3 đến 5 tuổi), 100% trẻ em 5 tuổi.

Phấn đấu có 100% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1.

100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định.

Phấn đấu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; duy trì 100% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

2.2. Giáo dục phổ thông

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, tỉnh duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; hoàn thành giáo dục bắt buộc cấp trung học cơ sở vào năm 2030.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,6%, cấp trung học cơ sở đạt 99,5%; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 99,9% và hoàn

thành cấp trung học phổ thông đạt 98%; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,5%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%; 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định.

Phần đầu tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông đạt 100%; duy trì 100% trường tiểu học, 100% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

2.3. Giáo dục thường xuyên

Phần đầu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 99,5%.

Tiếp tục duy trì 100% đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Giáo dục phổ thông góp phần cùng với tỉnh được xếp hạng trong nhóm 15 về hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng và chất lượng.

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao của quốc gia, đạt trình độ tiên tiến của thế giới.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện thể chế

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách về giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực có liên quan theo hướng khoa học, hiện đại, đồng bộ, liên thông, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn của địa phương, tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh cho phát triển giáo dục và đào tạo. Cụ thể:

Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo theo hướng chính quyền địa phương giữ vai trò chủ đạo, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động sự tham gia hiệu quả của toàn xã hội vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo; bảo đảm tính đồng bộ của các văn bản pháp luật liên quan, nhất là về đầu tư, tài chính, tài sản công, ngân sách nhà nước và tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập; thực hiện các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế đối với tất cả cơ sở giáo dục; tạo động lực thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trong mạng lưới cơ sở giáo dục, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển giáo dục.

Tập trung nâng cao chất lượng việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; chú trọng xây dựng các chương trình giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, phát huy năng lực tự học, năng lực sáng tạo của người học.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách của xã để sử dụng, quản lý, đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Nghiên cứu có cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn xã.

Thực hiện chính sách động viên kịp thời đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, Đề án thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo; các Đề án, Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Thái Nguyên.

2. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới bộ máy quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước và các cơ sở giáo dục, trong hệ thống giáo dục quốc dân từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; tăng cường năng lực thực thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn của tỉnh và quốc gia; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội.

Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra của chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số (xóm Cao Biền, Ba Nhất), khu đô thị đông dân cư và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Tạo điều kiện cho trẻ dưới 36 tháng tuổi được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đảm bảo chất lượng tại các cơ sở giáo dục mầm non, nhất là xóm Cao Biền, Ba Nhất. Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời chính sách hỗ trợ cho người học, chính sách tín dụng giáo dục, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người.

Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả phương thức giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật.

Củng cố và phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú nhằm duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, đồng thời tạo nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và điều kiện thực tế của xã, bảo đảm đủ trường, lớp học và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở tiến tới thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm. Nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường chất lượng cao...

Rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông; xây dựng hạ tầng phục vụ mở rộng không gian phát triển.

5. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

Thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm đồng bộ về nội dung và phương pháp, tiếp cận xu hướng tiên tiến trong phát triển chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, liên thông với đổi mới giáo dục phổ thông. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học, tạo nền tảng vững chắc để triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới trên địa bàn xã.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hoà, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ.

Chú ý công tác phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, nhất là trong các môn học, các ngành nghề STEM. Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành Giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp. Tiếp tục thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, hoàn thành trước năm 2030.

Thực hiện đào tạo giáo viên gắn với nhu cầu của các đơn vị, nhà trường; sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có; sử dụng giáo viên đảm bảo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp.

Thực hiện chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến; đồng thời thu hút được người giỏi vào ngành giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục phát triển; xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

Bảo đảm bố trí chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách theo quy định; đồng thời quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính nhằm phục vụ phát triển giáo dục và đào tạo. Kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách phù hợp với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Ngân sách nhà nước ưu tiên bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, thực hiện chính sách miễn, giảm và hỗ trợ học phí theo quy định; đồng thời phục vụ công tác xóa mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm, chương trình mục tiêu và phát triển các ngành, nghề mũi nhọn.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và toàn xã hội trong phát triển giáo dục.

Tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục; khuyến khích thành lập các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài nhằm hỗ trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt thành tích tốt trong học tập. Đồng thời, thúc đẩy các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Xây dựng và triển khai các chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông, bảo đảm các điều kiện tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục. Tích hợp các mục tiêu phát triển cơ sở vật chất trường, lớp học vào các chương trình mục tiêu quốc gia; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Huy động đa dạng các nguồn vốn đầu tư cho giáo dục, bao gồm ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Đồng thời, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công, tạo điều kiện thu hút mạnh mẽ hơn các nguồn lực xã hội tham gia phát triển hệ thống cơ sở giáo dục.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục

Triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn

thiện hệ thống thông tin quản lý và chuẩn hoá cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục; đảm bảo tính liên thông đồng bộ, thống nhất, kết nối an toàn thông tin dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; phấn đấu 100% cơ sở giáo dục triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh.

Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

9. Tăng cường hội nhập quốc tế

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về chương trình và học liệu, phương pháp giảng dạy; nghiên cứu phát triển các mô hình trường học mới theo kinh nghiệm quốc tế nhằm kiến tạo môi trường làm việc quốc tế trong các cơ sở giáo dục. Tăng cường mô hình kết nghĩa giữa các cơ sở giáo dục phổ thông của xã và nước ngoài.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, ở tất cả các cấp học; khuyến khích các môn học tăng số tiết dạy bằng tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế; đổi mới công tác quản lý, chương trình và phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường hội nhập quốc tế.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách nhà nước được bố trí hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.

Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã Võ Nhai chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân xã kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Võ Nhai khóa II, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã khóa II;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thuộc xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Sen